

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 04/01/2019

“ V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình ”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Móm Em.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lữ Ngọc Minh Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 293/2018/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2018/QĐXX - ST ngày 20 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kiều T – sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H. T., huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kiều T là: Luật sư Phạm Văn H – Văn phòng luật sư Phạm Văn Hồng thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Trần Anh P – sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T.T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kiều T trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Chị và anh P do tự tìm hiểu quen biết rồi đi đến hôn nhân. Có tổ chức lễ cưới năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.T, huyện V vào ngày 05/8/2011. Sau ngày cưới chị và anh P sống chung bên gia đình chị. Thời gian đầu chị và anh P chung sống hạnh phúc được hơn 02 năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, không quan tâm đến chị và con, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh P không thay đổi. Vào ngày 24/4/2014 anh P đã bỏ về nhà cha mẹ ruột anh P sinh sống. Chị và anh P đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị thấy tình cảm đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

- *Về con chung*: có 01 con chung tên Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/4/2012 hiện nay đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lan A không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung; nợ phải thu, phải trả*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2, quyết định xét xử cho anh Trần Anh P nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do, nên không có tài liệu chứng cứ, không có lời trình bày.

Chị Huỳnh Thị Kiều T đã nộp cho Tòa án giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) và giấy khai sinh của cháu Trần Thị Lan A.

* Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Anh P đã bỏ về nhà cha mẹ sống từ năm 2014 cho đến nay, cắt đứt liên lạc với chị T và nay chị T đã không còn tình cảm với anh P. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh P. Về con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Lan A và chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung; nợ phải thu, phải trả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến là:

- Thủ tục thụ lý vụ án, xác định mối quan hệ pháp luật dân sự của vụ án, quá trình chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ của Thẩm phán và tiến hành phiên tòa sơ thẩm của Hội đồng xét xử sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về mối quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh P.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/4/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Huỳnh Thị Kiều T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa chị và anh Trần Anh P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Anh P đến lần thứ hai nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Chị Huỳnh Thị Kiều T và anh Trần Anh P chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chị T anh P chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong tình cảm, vợ chồng thường xuyên cự cãi và do anh P thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc không lo cho gia đình chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh P không sửa đổi. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 24/4/2014 cho đến nay.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã kéo dài, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cho chị T được ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giao cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/4/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và luật sư là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Kiều T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Cho chị Huỳnh Thị Kiều T được ly hôn với anh Trần Anh P.

- *Về con chung*: Giao cháu Trần Thị Lan A, sinh ngày 19/4/2012 cho chị Huỳnh Thị Kiều T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Huỳnh Thị Kiều T không yêu cầu anh Trần Anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh Trần Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Huỳnh Thị Kiều T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí sơ thẩm*:

+ Buộc chị Huỳnh Thị Kiều T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N⁰ 0009010 ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Huỳnh Thị Kiều T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

+ Anh Trần Anh P không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quế Hương